

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 7 - 2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Ông Trương Xuân Mậu

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2021/TLST ngày 15 tháng 10 năm 2020;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1036/2021/QĐ-ST ngày 15/6/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1978

Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại Hungary theo địa chỉ: 1082 Pt, B94. F7 Hungary. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo khởi kiện đề ngày 28/8/2020 về việc xin ly hôn và tại các bản tự khai của nguyên đơn ông Nguyễn Đức L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức L và vợ là Trần Thị Minh H yêu nhau và cùng kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/02/2001 là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu từ năm 2001 - 2207 vợ chồng có lúc hạnh phúc, có lúc bất hoà, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, xung khắc về cách sống nên năm 2007 bà H bỏ đi làm ăn tại Hungary mà không bàn bạc gì với ông. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan hệ, quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống xa cách đã gần 15 năm nay, ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 2001, con đang ở với bà H tại Hungary. Hiện con đã trưởng thành, việc ở với ai là tùy con quyết định, vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về quan tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

* Bị đơn bà Trần Thị Minh H có bản tự khai đề ngày 20/01/2021 gửi cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary, với nội dung: Việc kết hôn đúng như ông Nguyễn Đức L đã trình bày. Bà và ông Nguyễn Đức L cùng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/02/2001 là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống gặp nhiều khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên bà sang Hungary để làm ăn. Từ đó đến nay vợ chồng ngày càng xa cách và không thể hàn gắn được nữa nên bà đã liên lạc với ông L cùng thoả thuận ly hôn. Vì vậy đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho bà với ông L được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà H khai thống nhất như ông L, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 2001, hiện nay con đã 19 tuổi đang ở với bà Hungary. Việc ở với ai là tùy con quyết định, vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về quan tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì chung không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đồng thời, bà H trình bày thêm khi đăng ký kết hôn do sơ suất nên viết tên bà vào Giấy đăng ký kết hôn là “Trần Thị H” và do công việc và do bệnh dịch covid - 19 nên bà không thể về Việt Nam để tham gia phiên toà giải quyết vụ án được, bà xin được vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có công văn số 1596/VP-DS ngày 27/10/2020 gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về việc yêu cầu cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với bị đơn bà Trần Thị Minh H. Ngày 05/11/2020, TAND tỉnh Quảng Bình nhận được công văn số 20423/QLXNC-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về việc cung cấp thông tin đối với bà Trần Thị Minh H, theo nội dung công văn bà H đã có nhiều lần xuất nhập cảnh, lần gần nhất là ngày 18/3/2015 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Ngày 26/6/2020, TAND tỉnh Quảng Bình có công văn số 1067/UTTPDS-TA46 gửi cho Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức về việc uỷ thác tư pháp đối với bà Trần Thị Minh H. Ngày 09/4/2021, Toà án đã nhận được bản tự khai đề Budapest ngày 20/01/2021 mang tên Trần Thị Minh H gửi cho Toà án qua địa chỉ của ông Nguyễn Đức L.

Tại biên bản xác minh ngày 14/6/2021, tại UBND xã N, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về việc kết hôn của ông Trần Đức L và bà Trần Thị Minh H. Ông Lương P – Tư pháp UBND xã N cung cấp thông tin như sau: Qua kiểm tra sổ lưu tại UBND xã N tại quyển sổ số 01 TP/HT mở ngày 01/01/2021 thể hiện tại số thứ tự 09 ngày 26/02/2001 đã đăng ký kết hôn cho ông Nguyễn Đức L, sinh ngày 07/02/1971

với bà Trần Thị Minh H, sinh ngày 15/7/1978, ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị Minh H đều ghi tên vào sổ đăng ký kết hôn.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp, phiên hoà giải ngày 15/4/2021, tuy nhiên do bị đơn bà Trần Thị Minh H xin được vắng mặt tại phiên họp và phiên toà. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 5 Điều 477 BLTTDS, các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Nguyễn Đức L được ly hôn bà Trần Thị Minh H. Về con chung và tài sản chung không xem xét. Dương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn của Nguyễn Đức L, sinh năm 1971 - Địa chỉ: Thôn B, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đối với bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1978 - Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại Hungary theo địa chỉ: 1082 P, B 94. F 7 Hungary. Do hiện nay bị đơn bà Trần Thị Minh H đang ở nước ngoài nên căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 476 BLTTDS Toà án thụ lý vụ án theo thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tiến hành uỷ thác tư pháp cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary về việc uỷ thác tư pháp đối với bà Trần Thị Minh H tại Công văn số 1067/UTTPDS-TA46 ngày 29/10/2020. Ngày 09/4/2021, Toà án đã nhận được bản tự khai đề B ngày 20/01/2021 mang tên Trần Thị Minh H gửi cho Toà án có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary, trong đó bị đơn bà Trần Thị Minh H có trình bày xin được xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Trần Thị Minh Hoài vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về nội dung*:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức L và vợ là Trần Thị Minh H yêu nhau và cùng kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/02/2001 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông Lợi và bà Hoài đều thừa nhận do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Năm 2007, bà Hoài tự ý đi làm ăn tại Hungary, từ đó đến nay vợ chồng ít khi liên lạc và không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng xa cách đã 15 năm nay, ông L nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Bị đơn bà Trần Thị Minh H cũng trình bày tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn nên bà thoả thuận ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức L với bà Trần Thị Minh H đã có thời gian hạnh phúc, sau đó do hoàn cảnh kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn tình cảm, ông L, bà H đều mong muốn được ly hôn để ai cũng có cuộc sống riêng ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng ông L, bà H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông L để xử cho ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị Minh H được ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: Ông L, bà H cùng thống nhất vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 2001, hiện nay con đã 19 tuổi đang sống tại Hungary. Việc ở cùng ai là tùy con quyết định, vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

2.3. Về quan tài sản chung: Vợ chồng thống nhất vợ chồng không có tài sản gì chung không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Đức L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 227; Điều 37; Điều 235; điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức L, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, xử: Ông Nguyễn Đức L được ly hôn bà Trần Thị Minh H.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Đức L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: AA/2020/0001678 ngày 07/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Ông L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn Nguyễn Đức L có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Trần Thị Minh H vắng mặt được biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã N, tp Đ;
- UBND xã Q, tp Đ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyền